

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 21/7/2017

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Kim Phụng**;
2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Thanh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Thị Hằng** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Hải** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 21 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 220/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2017/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Ngọc L**, sinh năm 1980; Địa chỉ: đường ĐX, khu phố K, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Anh **Đoàn Hữu P**, sinh năm 1978; Địa chỉ: đường ĐX, khu phố K, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Tất cả các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin khởi kiện ngày 28/3/2017 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Ngọc L trình bày:

Chị Nguyễn Ngọc L (gọi tắt là chị L và bị đơn là anh Đoàn Hữu P (gọi tắt là anh P), sống chung từ năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thị xã T (nay là phường C, thành phố T), tỉnh Bình Dương, ngày 31/7/1998. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại gia đình chồng được 02 năm đầu và bắt đầu chuyển về khu phố K, phường

Đ, thành phố T sinh sống cho đến nay, thời gian sống chung hạnh phúc được 15 năm. Từ năm 2013 đến nay, giữa chị L và anh P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xung đột, nguyên nhân do anh P không tu chí làm ăn, tụ tập bạn bè ăn nhậu, đánh bạc, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Chị L đã tạo cơ hội nhiều lần để anh P từ bỏ thói hư, tật xấu nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng đều không có kết quả. Do mâu thuẫn trầm trọng không thể khắc phục, chị L không còn tình cảm với anh P nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh P. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi cả hai con chung là cháu Đoàn Bích N, sinh ngày 14/12/1999 và cháu Đoàn Thanh B, sinh ngày 01/10/2013, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản tự khai, qua quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn là anh Đoàn Hữu P thừa nhận về mâu thuẫn vợ chồng như chị L đã nêu trước Tòa án là đúng. Tuy nhiên, anh P cho rằng trước đây có thường xuyên bài bạc nhưng đã từ bỏ, riêng việc nhậu nhẹt với bạn bè là không bỏ được do buồn chán gia đình. Mỗi khi anh P muốn răn dạy con thì cha vợ quát mắng, đánh con để dạy con nên người thì chị L không hài lòng. Do bức tức trong lòng nên anh P có gây gỗ và nhiều lúc nóng giận nên có những lời lẽ xúc phạm danh dự chị L và gia đình bên vợ. Nay anh P rất hối hận, mong muốn chị L bỏ qua và tha thứ lỗi lầm, rút đơn để trở về đoàn tụ gia đình cùng chăm sóc, nuôi dạy con cái. Anh P vẫn còn yêu thương chị L nên không đồng ý ly hôn. Về con chung: anh P thống nhất vợ chồng chỉ có 02 con chung là cháu Đoàn Bích N và cháu Đoàn Thanh B như chị L khai. Do không chấp nhận ly hôn nên anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết người nuôi con và không yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nợ chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm, cả chị L và anh P đều trình bày các con chung đều đã trên 10 tuổi nên tôn trọng quyền tự quyết định của con về người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Tại các biên bản xác minh trình trạng hôn nhân ngày 10/7/2017 tại khu K, phường Đ, thành phố T, nơi vợ chồng anh P, chị L cư trú, sinh sống, được biết mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L, anh P đã đến mức trầm trọng, vợ chồng sống ly thân nhau mỗi người một nơi từ tháng 3/2017 đến nay. Nguyên nhân do anh P thường nhậu nhẹt, say sưa nên vợ chồng bất hòa, anh P còn gây chuyện với cả những người khác bên gia đình vợ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm khai mạc phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại Chương XIV của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa sơ thẩm. Qua các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được tại hồ sơ vụ án, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một nhận thấy có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Ngọc L. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho chị L ly hôn anh P. Các vấn đề khác về con chung, tài sản chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Đoàn Hữu P có nơi cư trú tại khu phố

K, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương, do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc L (gọi tắt là chị L) và anh Đoàn Hữu P (gọi tắt là anh P) là vợ chồng hợp pháp, sống chung có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền là đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vợ chồng chị L, anh P sống chung hạnh phúc trong một thời gian dài gần 15 năm, mâu thuẫn vợ chồng chỉ bắt đầu phát sinh từ năm 2013 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn theo sự thừa nhận của các đương sự là do anh P có những thói hư, tật xấu không được người vợ chấp nhận như thường xuyên tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, đánh bạc, bỏ bê gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con để từ đó mối quan hệ vợ chồng rạn nứt, bất hòa, mâu thuẫn vợ chồng càng ngày càng trầm trọng. Từ tháng 3/2017, vợ chồng quyết định sống ly thân nhau để mỗi người tự suy nghĩ về bản thân mình, chị L đưa con về nhà cha mẹ để sinh sống cho đến nay. Anh P vẫn còn thương vợ, thương con không muốn ly hôn, chỉ mong muốn chị L suy nghĩ lại để trở về đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng tại Tòa, anh P xác định không thể bỏ rượu là điều chị L không bao giờ mong muốn từ anh P.

[3] Qua xác minh tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng chị L, anh P tại khu phố K, phường Đ, thành phố T (nơi vợ chồng thường xuyên sinh sống), được biết mâu thuẫn vợ chồng chị L, anh P đã đến mức trầm trọng, vợ chồng gây gổ, cãi vã thường xuyên, thậm chí hai bên còn xảy ra xô xát, đập phá đồ đạc phải nhờ đến Công an phường Đ can thiệp. Kết quả xác minh của Tòa án phù hợp với lời thừa nhận của anh P tại biên bản hòa giải ngày 05/5/2017 *“khi xô xát với vợ tẩm kiếng bị bể do tẩm kính của đã rạn nứt sẵn nên tôi gõ cửa thì kính bể, sau đó tôi đã mua về lắp lại”*. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh P, chị L đã đến mức trầm trọng, hai người không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương lẫn nhau nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L về việc ly hôn với anh P là đúng quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Qua phần tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm, cả anh P và chị L đều xác định ai là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn là theo nguyện vọng của các con và do Tòa án quyết định. Xét thấy, tại thời điểm xét xử sơ thẩm, cả cháu N và cháu B đều đã trên 07 tuổi, việc quyết định người trực tiếp nuôi con khi ly hôn cần phải xem xét nguyện của con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Qua xem xét nguyện vọng của cháu Đoàn Bích N và Đoàn Thanh B tại Tòa án, cả hai cháu đều mong muốn sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn, riêng cháu B trình bày thường bị cha P đánh một cách vô cớ nên không muốn sống với cha. Do vậy việc quyết định giao cả hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là điều kiện tốt hơn giao cho anh P nuôi dưỡng và cũng phù hợp nguyện vọng của cả cháu B và cháu N.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Dù đã được Tòa án giải thích việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con và vì quyền lợi của con chưa thành niên nhưng chị L không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét.

[7] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc L phải nộp toàn bộ án

phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 203, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1 Điều 59, các điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 6 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc L xin ly hôn đối với anh Đoàn Hữu P.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc L và anh Đoàn Hữu P ly hôn.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã C, thị xã T (phường C, thành phố T), tỉnh Bình Dương cấp ngày 31/7/1998 cho anh Đoàn Hữu P và chị Nguyễn Ngọc L không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Chị Nguyễn Ngọc L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cả 02 con chung là cháu Đoàn Bích N, sinh ngày 14/12/1999 và cháu Đoàn Thanh B, sinh ngày 01/10/2003 đến khi đủ 18 tuổi.

Anh Đoàn Hữu P có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc các con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp anh Đoàn Hữu P lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Nguyễn Ngọc L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Đoàn Hữu P.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Đoàn Bích N và cháu Đoàn Thanh B, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Ngọc L không yêu cầu nên không xem xét.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Ngọc L phải nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ hết vào số tiền chị Lê đã nộp tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu tiền tạm ứng án

phí số AA/2016/0000668 ngày 04/4/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Các đương sự có được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường C, thành phố T;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thanh

